

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2022/DS-PT

Ngày 18-11-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Tâm

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 201/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Võ Thanh N, sinh năm 1984; địa chỉ: số 152/K, đường C, tổ 4, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* ông Phan Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp 2, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Dương Thị B, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp 2, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Võ Thanh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Võ Thanh N trình bày:

Ông Võ Thanh N và ông Phan Thanh T làm chung với nhau. Trước ngày 19/3/2019, ông T chủ động điện thoại mượn của ông N số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng. Đến ngày 19/3/2019, ông T điện thoại mượn thêm của ông N số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng số tiền ông T mượn của ông N là 200.000.000 đồng. Đến ngày 26/4/2019 hai bên ký Hợp đồng mượn tiền xác định số tiền gốc vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng và có thỏa

thuận miệng lãi suất 8%/tháng. Số tiền này là tài sản riêng của ông N, không phải tài sản chung của vợ chồng ông N. Sau khi vay tiền ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả gốc và lãi hàng tháng. Ông T có chuyển khoản trả cho ông N số tiền 40.000.000 đồng tiền nợ gốc; lần 02 vào ngày 16/8/2019 ông T chuyển khoản trả số tiền 30.000.000 đồng tiền nợ gốc; lần 03 vào ngày 01/12/2019 ông T chuyển khoản trả ông N số tiền 16.000.000 đồng tiền nợ gốc; lần 04 vào ngày 16/12/2019 ông T chuyển trả ông N số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc và lần 05 vào khoảng tháng 8/2021 mẹ của ông T là bà U Bồn có trả dùm cho T 10.000.000 đồng, lần 06 vào khoảng tháng 10/2021 mẹ của ông T là bà U Bồn có trả dùm ông T số tiền 60.000.000 đồng. Tổng cộng ông T đã trả cho ông N số tiền gốc là 176.000.000 đồng còn nợ lãi thì ông T chưa trả khoản nào. Ông N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T trả nợ gốc và lãi nhưng ông T không trả. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông N số tiền gốc còn nợ là 24.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể như sau:

- Tiền lãi trên số tiền 200.000.000 đồng được tính từ ngày 26/4/2019 đến ngày 11/6/2019 = $200.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/tháng \times 1 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} = 5.090.666 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên số tiền 160.000.000 đồng được tính từ ngày 11/6/2019 đến ngày 16/8/2019 = $160.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/tháng \times 02 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 6.197.333 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên số tiền 130.000.000 đồng được tính từ ngày 16/8/2019 đến ngày 01/12/2019 = $130.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/tháng \times 03 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 7.553.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên số tiền 114.000.000 đồng được tính từ ngày 01/12/2019 đến 16/12/2019 = $114.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/tháng \times 01 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 2.829.600 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên số tiền 94.000.000 đồng được tính từ ngày 16/12/2019 đến 8/2021 = $94.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/tháng \times 20 \text{ tháng} = 31.208.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên số tiền 84.000.000 đồng được tính từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021 = $84.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/tháng \times 02 \text{ tháng} = 3.087.600 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên số tiền 24.000.000 đồng được tính từ tháng 10/2021 đến 16/4/2022 = $24.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/tháng \times 6 \text{ tháng} = 2.390.400 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên số tiền 24.000.000 đồng được tính từ ngày 16/4/2022 đến ngày đưa vụ án ra xét xử (Ngày 08/7/2022): 1.639.344 đồng

Tổng tiền lãi ông N yêu cầu ông T phải trả là 59.995.943 đồng.

Do đó, tổng số tiền ông N yêu cầu ông T phải trả là 83.995.943 đồng, trong đó tiền gốc là 24.000.000 đồng và tiền lãi là 59.995.943 đồng.

- Bị đơn ông Phan Thanh T trình bày:

Ông Phan Thanh T thống nhất lời trình bày của nguyên đơn ông Võ Thanh N về việc ông T có mượn tiền của ông N nhiều lần để chi tiêu cá nhân với

tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng, đến ngày 26/4/2019 hai bên có làm hợp đồng mượn tiền để xác định lại số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 15%/tháng, còn về thời hạn vay tiền thì ông T không nhớ. Sau khi vay, ông T có trả một phần tiền gốc và tiền lãi trong khoảng 02 năm, có lần chuyển khoản, có lần trả tiền mặt nhưng hai bên không làm biên bản giao nhận nên ông T không nhớ số tiền gốc và lãi mà ông T đã trả cho ông N. Đến tháng 7/2021, ông N có liên hệ với gia đình ông T báo ông T còn nợ gốc và lãi là 70.000.000 đồng nên ngày 11/7/2021 mẹ ông T là bà Dương Thị B có thay ông T trả cho ông N số tiền 10.000.000 đồng, mẹ ông T có làm Giấy cam kết xác nhận còn nợ số tiền 60.000.000 đồng, ông N cũng ký tên xác nhận đồng ý với bản cam kết của mẹ ông T. Đến ngày 06/11/2021 mẹ ông T đã giao đủ số tiền còn lại là 60.000.000 đồng cho ông N, ông N có làm văn bản xác nhận nhận tiền và ông N có cam kết với nội dung “Ngoài số tiền hôm nay ông T đã nhận, Phan Thanh T không còn thiếu bất kỳ số tiền gì trước đây. Ông N cam kết nếu có chuyện gì xảy ra ông N hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Ông T và mẹ ông T đã trả hết số tiền nợ gốc và lãi cho ông N, không còn nợ bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, ông N khởi kiện thì ông T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B trình bày:*

Bà B thống nhất toàn bộ lời trình bày của con bà B là ông Phan Thanh T. Bà B có trả nợ dùm cho con bà B 02 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, ông N cũng đã xác nhận nhận tiền và cam kết con bà B không còn nợ khoản tiền nào khác nên nay ông N khởi kiện thì bà B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

- *Nguyên đơn ông Võ Thanh N trình bày bổ sung:* ông N xác nhận lời trình bày của ông T và bà B về phần bà B có trả thay cho ông T số tiền 70.000.000 đồng, Toàn bộ phần nội dung trong chứng cứ mà bị đơn cung cấp với nội dung “Hôm nay ngày 06/11/2021 tôi tên là Võ Thanh N....” là do ông N viết, phần cuối có chữ ký tên, chữ viết của ông N. Sở dĩ ông N cam kết nội dung “Ngoài số tiền hôm nay tôi đã nhận, Phan Thanh T không còn thiếu bất kỳ số tiền gì trước đây. Tôi cam kết nếu có chuyện gì xảy ra tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm” là do thời điểm đó ông N muốn thu hồi một phần tiền gốc để trả cho người mà ông N mượn tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh N về việc buộc ông Phan Thanh T phải trả số tiền 83.995.943 đồng, trong đó tiền gốc là 24.000.000 đồng và tiền lãi là 59.995.943 đồng (theo Hợp đồng mượn tiền ngày 26/4/2019 giữa ông Phan Thanh T và ông Võ Thanh N).

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/7/2022, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 24.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện ông N cho ông T vay tiền, đến ngày 26/4/2019, hai bên xác nhận số tiền ông T còn nợ ông N là 200.000.000 đồng. Đến ngày 11/7/2021, ông N lập giấy cam kết có nội dung *“Hôm nay ngày 6/11/2021, tôi tên Võ Thanh N, sinh 1984 đã nhận đủ số tiền 60.000.000 đ sáu chục triệu đồng của bà Dương Thị B mẹ của Phan Thanh T – Ngoài số tiền hôm nay tôi đã nhận, Phan Thanh T không còn thiếu bất kỳ số tiền gì trước đây. Tôi cam kết nếu có chuyện gì xảy ra tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm ông N thừa nhận do ông N viết và ký tên tại bản cam kết này. Sự thừa nhận của ông N là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh. Ông N không có chứng cứ nào khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nguyên đơn ông Võ Thanh N và bị đơn ông Phan Thanh T thừa nhận ông N nhiều lần cho ông T vay tiền, đến ngày 26/4/2019, ông N và ông T chốt số tiền cho vay, hai bên ký *“Hợp đồng mượn tiền”* xác định số tiền ông T vay của ông N tổng cộng là 200.000.000 đồng. Sau ngày ông T xác nhận còn nợ ông N số tiền 200.000.000 đồng thì ông T đã nhiều lần trả tiền vay gốc và tiền lãi cho ông N nhưng không lập giấy tờ.

Đến ngày 06/11/2021 ông N lập giấy cam kết nội dung *“Hôm nay ngày 6/11/2021, tôi tên Võ Thanh N, sinh 1984 đã nhận đủ số tiền 60.000.000 đ sáu chục triệu đồng của bà Dương Thị B mẹ của Phan Thanh T – Ngoài số tiền hôm nay tôi đã nhận, Phan Thanh T không còn thiếu bất kỳ số tiền gì trước đây. Tôi cam kết nếu có chuyện gì xảy ra tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*. Cuối bản cam kết có chữ ký và ghi họ tên Võ Thanh N.

Ông N thừa nhận là người viết và ký tên tại bản cam kết này. Sự thừa nhận của ông N là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ thời điểm ông N xác nhận ông T trả đủ tiền vay cho ông N thì thời điểm này đã chấm dứt nghĩa vụ trả nợ của ông T đối với ông N được quy định tại khoản 1 Điều 372 Bộ luật Dân sự.

Ông N cho rằng, sở dĩ ông N cam kết nội dung ông T không còn nợ khoản tiền nào khác của ông N là do thời điểm đó ông N muốn thu hồi một phần tiền gốc để trả cho người mà ông N mượn tiền. Trường hợp sự việc ông N trình bày là sự thật thì nội dung này cũng không liên quan đến giao dịch vay tiền giữa ông N với ông T; hai bên không có thỏa thuận bằng tài liệu nào khác và ông T không thừa nhận còn nợ ông N số tiền 24.000.000 đồng theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ gì khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông N.

[3] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Thanh N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh N về việc buộc ông Phan Thanh T phải trả số tiền 83.995.943 đồng, trong đó tiền gốc là 24.000.000 đồng và tiền lãi là 59.995.943 đồng (theo Hợp đồng mượn tiền ngày 26/4/2019 giữa ông Phan Thanh T và ông Võ Thanh N).

1.2. Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Thanh N phải chịu 4.199.797 đồng (bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 1.759.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010006 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Ông N còn phải nộp thêm số tiền 2.440.797 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng).

2. Án phí phúc thẩm: ông Võ Thanh N phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0010053 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP Thủ Dầu Một;
- TAND TP Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài